

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP, KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2024-2025

STT	Tên lớp	Số học sinh	Số học sinh						Thông tư 22																							
			Lên lớp		Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học	Kết quả học tập										Kết quả rèn luyện										Danh hiệu			
			SL	TL (%)					Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		HSXS		HSG			
										SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	307	306	99.67		6	37	15	307	68	22.15	180	58.63	58	18.89	1	0.33	307	259	84.36	41	13.36	7	2.28			9	2.93	58	18.89		
2	TỔNG KHỐI 10	89	89	100		1	3	3	89	18	20.22	47	52.81	24	26.97			89	78	87.64	8	8.99	3	3.37			2	2.25	16	17.98		
3	10A1	29	29	100				2	29	7	24.14	10	34.48	12	41.38			29	27	93.1	1	3.45	1	3.45			1	3.45	6	20.69		
4	10A2	31	31	100		1			31	7	22.58	22	70.97	2	6.45			31	29	93.55	1	3.23	1	3.23			1	3.23	6	19.35		
5	10A3	29	29	100			3	1	29	4	13.79	15	51.72	10	34.48			29	22	75.86	6	20.69	1	3.45					4	13.79		
6	TỔNG KHỐI 11	87	86	98.85		2	19	7	87	16	18.39	49	56.32	21	24.14	1	1.15	87	63	72.41	20	22.99	4	4.6			4	4.6	11	12.64		
7	11A1	26	26	100			1	1	26	7	26.92	15	57.69	4	15.38			26	24	92.31	2	7.69					3	11.54	4	15.38		
8	11A2	26	25	96.15			4	1	26	5	19.23	12	46.15	8	30.77	1	3.85	26	19	73.08	5	19.23	2	7.69			1	3.85	3	11.54		
9	11A3	35	35	100		2	14	5	35	4	11.43	22	62.86	9	25.71			35	20	57.14	13	37.14	2	5.71					4	11.43		
10	TỔNG KHỐI 12	131	131	100		3	15	5	131	34	25.95	84	64.12	13	9.92			131	118	90.08	13	9.92					3	2.29	31	23.66		
11	12A1	35	35	100			2	3	35	6	17.14	26	74.29	3	8.57			35	33	94.29	2	5.71					1	2.86	5	14.29		
12	12A2	30	30	100		1	7		30	5	16.67	18	60	7	23.33			30	24	80	6	20						5	16.67			
13	12A3	35	35	100		1	1	2	35	16	45.71	17	48.57	2	5.71			35	34	97.14	1	2.86					2	5.71	14	40		
14	12A4	31	31	100		1	5		31	7	22.58	23	74.19	1	3.23			31	27	87.1	4	12.9							7	22.58		

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tôn Thất Huy Vũ

